BỘ CÔNG AN **CÔNG AN TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 7061 /QĐ-CAT-PC04	*Lạng Sơn, ngày 04 tháng 08 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Công khai danh mục thủ tục hành chính mới trong lĩnh vực tổ chức cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Công an Lạng Sơn

GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BCA, ngày 25/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 184/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định của Chính phủ trong lĩnh vực an ninh, trật tự;

Căn cứ Quyết định số 5807/QĐ-BCA-V03, ngày 07/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 118/2025/NĐ-CP, ngày 09/6/2026 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia trong Công an nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 7886/QĐ-BCA, ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an về công bố danh mục thủ tục hành chính mới trong lĩnh vực tổ chức cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công an;

Xét đề nghị của Trưởng phòng PC04 tại Báo cáo đề xuất số 1248/BCĐX-PC04, ngày 29 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới trong lĩnh vực tổ chức cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Công an tỉnh Lạng Sơn *(có danh mục, nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính và các biểu mẫu là thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính kèm theo).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng, Trưởng Công an xã, phường, đồn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Đ/c Giám đốc CAT (Báo cáo);
- Các đ/c PGĐ CAT (P/h chỉ đạo);
- Như Điều 3 (Thực hiện);
- Lưu: VT, PC04 (Đ1).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
CÔNG AN TỈNH LẠNG SƠN

Đại tá Nguyễn Quang Huyên

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI TRONG LĨNH VỰC TỔ CHỨC CAI NGHIỆN MA TÚY VÀ QUẢN LÝ SAU CAI NGHIỆN MA TÚY THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ CÔNG AN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-CAT-PC04 ngày /7/2026 của Giám đốc Công an tỉnh Lạng Sơn)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1.	Cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	Nghị định số 184/2025/NĐ-CP; Nghị định số 116/2021/NĐ-CP	Tổ chức cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy	Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy
2.	Cấp lại giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	Nghị định số 184/2025/NĐ-CP; Nghị định số 116/2021/NĐ-CP	Tổ chức cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy	Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy
3.	Thu hồi giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	Nghị định số 184/2025/NĐ-CP; Nghị định số 116/2021/NĐ-CP	Tổ chức cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy	Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy
4.	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	Nghị định số 184/2025/NĐ-CP; Nghị	Tổ chức cai nghiện ma túy và quản lý	Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		định số 116/2021/NĐ-CP	sau cai nghiện ma túy	
5.	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	Nghị định số 184/2025/NĐ-CP; Nghị định số 116/2021/NĐ-CP CP	Tổ chức cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy	Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy
6.	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.	Nghị định số 184/2025/NĐ-CP; Nghị định số 116/2021/NĐ-CP	Tổ chức cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy	Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện

1.1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Nộp hồ sơ

Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện gửi trực tiếp, qua bưu điện hoặc bằng phương thức điện tử 01 bộ hồ sơ quy định tại Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP đến Công an cấp tỉnh. Trường hợp gửi hồ sơ bằng phương thức điện tử, cơ sở cai nghiện có trách nhiệm lưu giữ toàn bộ bản gốc hồ sơ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của hồ sơ.

Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ

Giám đốc Công an cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận hồ sơ trong giờ làm việc, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ phải cấp ngay phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ cho người nộp hồ sơ.

Bước 3: Tổ chức thẩm định

Giám đốc Công an cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ, thẩm định các điều kiện cấp phép theo quy định tại Điều 9, Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.

Bước 4: Quyết định cấp giấy phép/ không cấp giấy phép

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Công an cấp tỉnh quyết định cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy. Trường hợp không cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy phải trả lời cá nhân, tổ chức đề nghị cấp phép bằng văn bản và nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện

Gửi hồ sơ trực tiếp, qua bưu điện hoặc theo phương thức điện tử.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

1.3.1. Thành phần hồ sơ

a) Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.

b) 01 bản sao quyết định thành lập, cho phép thành lập.

c) Văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về việc chấp thuận đặt trụ sở cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.

d) Tài liệu chứng minh bảo đảm đủ các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị quy định tại Khoản 2, 3 Điều 9 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.

đ) 01 bản chính danh sách nhân viên, kèm theo bản sao văn bằng, chứng chỉ; 01 bản lý lịch tóm tắt của người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp

luật, 01 bản sao giấy xác nhận đã được đào tạo, tập huấn về điều trị, cai nghiện ma túy hoặc giấy xác nhận thời gian làm việc tại cơ sở cai nghiện ma túy của người đứng đầu, người đại diện theo pháp luật của cơ sở.

e) 01 bản phương án tài chính của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện để bảo đảm duy trì hoạt động cai nghiện ma túy.

1.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Áp dụng đối với cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

Công an cấp tỉnh.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy đối với cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.

1.8. Lệ phí: Không.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Văn bản đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện (Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 116/2021/NĐ-CP).

- Văn bản chấp thuận đặt trụ sở cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện (Văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Mẫu số 02b Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 116/2021/NĐ- CP).

- Danh sách nhân viên của cơ sở cai nghiện ma túy/cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện (Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 116/2021/NĐ-CP).

- Lý lịch tóm tắt của cá nhân, người đứng đầu/người đại diện theo pháp luật của cơ sở cai nghiện ma túy/cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện (Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định 116/2021/NĐ-CP).

- Phương án tài chính của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện (Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 116/2021/NĐ-CP).

- Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy đối với cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện (Mẫu số 06 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 116/2021/NĐ-CP).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện:

- Được thành lập, tổ chức, hoạt động theo quy định của pháp.

- Có cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu của hoạt động cai nghiện ma túy theo quy định tại Khoản 1, 2, 4 Điều 6 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP và điểm e Khoản 3 Điều 36 Luật Phòng, chống ma túy. Trường hợp thuê cơ sở vật chất thì thời hạn thuê phải còn ít nhất 02 năm kể từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động.

- Có trang thiết bị, phương tiện tối thiểu theo danh mục quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.

- Nhân sự làm việc tại cơ sở cai nghiện phải bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP. Người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật của cơ sở cai nghiện phải có trình độ từ đại học trở lên, đã được đào tạo, tập huấn về điều trị, cai nghiện ma túy hoặc có thời gian làm công tác cai nghiện, điều trị nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện từ 02 năm trở lên.

1.11. Căn cứ pháp lý ban hành

- Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14.

- Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

- Nghị định số 184/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định của Chính phủ trong lĩnh vực an ninh, trật tự.

2. Cấp lại giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện

2.1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Nộp hồ sơ

Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện gửi trực tiếp, qua bưu điện hoặc phương thức điện tử 01 bộ hồ sơ quy định tại Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP đến Công an cấp tỉnh. Trường hợp gửi hồ sơ theo phương thức điện tử, cơ sở cai nghiện có trách nhiệm lưu giữ toàn bộ bản gốc của hồ sơ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của hồ sơ;

Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ

Công an cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận hồ sơ trong giờ làm việc, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ phải cấp ngay phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ cho người nộp hồ sơ.

Bước 3: Tổ chức thẩm định

Giám đốc Công an cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ, thẩm định các điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.

Bước 4: Quyết định cấp lại giấy phép/không cấp lại giấy phép

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Công an cấp tỉnh quyết định cấp lại giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện. Trường hợp không cấp lại giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện thì phải trả lời cá nhân, tổ chức đề nghị cấp lại giấy phép bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2.2. Cách thức thực hiện

Gửi hồ sơ trực tiếp, qua bưu điện hoặc theo phương thức điện tử.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

2.3.1. Thành phần hồ sơ

- Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 01 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.

- 01 bản chính Biên bản của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện về việc xác nhận giấy phép hoạt động bị mất (hoặc hỏng) theo Mẫu số 07 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP của cơ sở cai nghiện đối với trường hợp quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.

- 01 bản lý lịch tóm tắt của người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật của cơ sở cai nghiện theo Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định 116/2021/NĐ-CP.

- Các văn bằng, chứng chỉ theo quy định tại Khoản 4 Điều 9 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP đối với trường hợp quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.

- Tài liệu chứng minh bảo đảm đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 9 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP đối với trường hợp quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.

- Báo cáo kết quả khắc phục việc đình chỉ hoạt động của cơ sở cai nghiện đối với trường hợp quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP theo Mẫu số 08 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.

2.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ

2.4. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Áp dụng đối với cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

Công an cấp tỉnh.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy đối với cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.

2.8. Lệ phí: Không.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy của cơ sở cai nghiện tự nguyện (Mẫu số 01 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP).

- Biên bản xác nhận giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy của cơ sở cai nghiện ma túy bị mất, hỏng (Mẫu số 07 Phụ lục II Nghị định 116/2021/NĐ-CP.

- Lý lịch tóm tắt của cá nhân, người đứng đầu/người đại diện theo pháp luật của cơ sở cai nghiện ma túy/cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguy (Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định 116/2021/NĐ-CP).

- Báo cáo khắc phục hậu quả việc đình chỉ hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy (Mẫu số 08 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP).

- Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy đối với cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện (Mẫu số 06 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 116/2021/NĐ-CP).

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Cơ sở cai nghiện được đề nghị cấp lại giấy phép cai nghiện ma túy khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- Giấy phép bị mất, hỏng;

- Thay đổi người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật;

- Thay đổi địa điểm trụ sở của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện;

- Hết thời hạn đình chỉ hoạt động theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.

2.11. Căn cứ pháp lý ban hành

- Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14.

- Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

- Nghị định số 184/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định của Chính phủ trong lĩnh vực an ninh, trật tự.

3. Thu hồi giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện

3.1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Nộp hồ sơ

Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện gửi trực tiếp, qua bưu điện hoặc phương thức điện tử văn bản đề nghị dừng hoạt động cai nghiện ma túy theo Mẫu số 11 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP đến Công an cấp tỉnh. Trường hợp gửi văn bản theo phương thức điện tử, cơ sở cai nghiện có trách nhiệm lưu giữ toàn bộ bản gốc của hồ sơ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của hồ sơ;

Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ

Công an cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận đơn trong giờ làm việc, nếu chưa hợp lệ phải cấp ngay phiếu hướng dẫn cho người nộp đơn.

Bước 3: Quyết định thu hồi giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản hợp lệ, Giám đốc Công an cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, quyết định thu hồi giấy phép của cơ sở cai nghiện ma túy. Trường hợp không thu hồi phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3.2. Cách thức thực hiện

Gửi hồ sơ trực tiếp, qua bưu điện hoặc theo phương thức điện tử.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

3.3.1. Thành phần hồ sơ

- Văn bản của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện xin dừng hoạt động cai nghiện ma túy theo Mẫu số 11 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.

3.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị dừng hoạt động cai nghiện ma túy.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Áp dụng đối với cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

Công an cấp tỉnh

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định thu hồi Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy đối với cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.

3.8. Lệ phí: Không.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Văn bản đề nghị xin dừng hoạt động cai nghiện ma túy (của cơ sở cai nghiện tự nguyện, Mẫu số 11 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP).

- Quyết định thu hồi Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy đối với cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện (Mẫu số 12 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP).

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Có văn bản đề nghị dừng hoạt động cai nghiện ma túy (Mẫu số 11 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP).

3.11. Căn cứ pháp lý ban hành

- Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14.

- Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

- Nghị định số 184/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định của Chính phủ trong lĩnh vực an ninh, trật tự.

4. Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng

4.1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân đề nghị công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP đến Công an cấp tỉnh nơi tổ chức đóng trụ sở hoặc nơi cá nhân cư trú. Trường hợp gửi hồ sơ theo phương thức điện tử, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm lưu giữ toàn bộ bản gốc của hồ sơ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của hồ sơ.

Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ

Công an cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ trong giờ làm việc, nếu hồ sơ chưa hợp lệ phải cấp ngay phiếu hướng dẫn cho người nộp hồ sơ.

Bước 3: Tổ chức thẩm định

Giám đốc Công an cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ, thẩm định các điều kiện công bố.

Bước 4: Quyết định công bố/không công bố

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ, Giám đốc Công an cấp tỉnh tổ chức thẩm định và công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng. Trường hợp không đủ điều kiện công bố phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4.2. Cách thức thực hiện

Gửi trực tiếp, qua bưu điện hoặc qua phương thức điện tử đến Công an cấp tỉnh nơi tổ chức đóng trụ sở hoặc nơi cá nhân cư trú.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

4.3.1. Thành phần hồ sơ

- Văn bản đề nghị công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng của tổ chức, cá nhân đề nghị theo Mẫu số 13 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.

- Bản sao quyết định thành lập, cho phép thành lập.

- Văn bản chấp thuận đặt trụ sở đơn vị cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đơn vị cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng đặt trụ sở;

- Tài liệu chứng minh bảo đảm đủ các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị cung cấp dịch vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.

- Danh sách nhân viên của cơ sở cai nghiện ma túy/cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện (Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 116/2021/NĐ-CP).

- 01 bản sao văn bằng, chứng chỉ.

- Bản lý lịch tóm tắt của người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật của cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện theo Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.

4.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết:

10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

4.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

Công an cấp tỉnh.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Giám đốc Công an cấp tỉnh công bố (công bố lại) cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

4.8. Lệ phí: Không.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Văn bản đề nghị công bố (công bố lại) đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng của tổ chức, cá nhân đề nghị (Mẫu số 13 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP).

- Danh sách nhân viên của cơ sở cai nghiện ma túy/cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện (Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 116/2021/NĐ-CP).

- Lý lịch tóm tắt của cá nhân, người đứng đầu/người đại diện theo pháp luật của cơ sở cai nghiện ma túy/cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện (Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định 116/2021/NĐ-CP).

- Quyết định của Giám đốc Công an cấp tỉnh công bố (công bố lại) cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng (Mẫu số 14 Phụ lục II Nghị định 116/2021/NĐ-CP).

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

a) Yêu cầu về pháp lý:

Được thành lập, tổ chức, hoạt động theo quy định của pháp luật; cá nhân không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự, thời gian chấp hành bản án hình sự của tòa án; không trong thời hạn cấm hành nghề hoặc công việc.

b) Yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Có cơ sở vật chất để thực hiện việc tiếp nhận, cung cấp dịch vụ cai nghiện theo phạm vi dịch vụ đăng ký. Trường hợp cung cấp dịch vụ nội trú thì cơ sở phải đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm b Khoản 2 và Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP;

- Có trang thiết bị để thực hiện các dịch vụ cai nghiện theo quy định tại Mục A Phụ lục I kèm theo Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.

c) Yêu cầu về nhân sự:

- Có ít nhất 01 người chịu trách nhiệm chính thực hiện việc cung cấp dịch vụ, có trình độ chuyên môn, ngành nghề đào tạo phù hợp;

- Nhân sự phải đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.

4.11. Căn cứ pháp lý ban hành

- Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14.

- Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

- Nghị định số 184/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định của Chính phủ trong lĩnh vực an ninh, trật tự.

5. Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng

5.1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân đề nghị công bố lại đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP đến Công an cấp tỉnh nơi tổ chức đóng trụ sở hoặc nơi cá nhân cư trú. Trường hợp gửi hồ sơ theo phương thức điện tử, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm lưu giữ toàn bộ bản gốc của hồ sơ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của hồ sơ.

Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ

Công an cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ trong giờ làm việc, nếu hồ sơ chưa hợp lệ phải cấp ngay phiếu hướng dẫn cho người nộp hồ sơ.

Bước 3: Tổ chức thẩm định

Giám đốc công an cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ, thẩm định các điều kiện công bố lại.

Bước 4: Quyết định công bố lại/ không công bố lại

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Công an cấp tỉnh tổ chức thẩm định và công bố lại tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng. Trường hợp không đủ điều kiện phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5.2. Cách thức thực hiện

Gửi trực tiếp, qua bưu điện hoặc qua phương thức điện tử đến Công an cấp tỉnh nơi tổ chức đóng trụ sở hoặc nơi cá nhân cư trú.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

5.3.1. Thành phần hồ sơ

- Văn bản đề nghị công bố lại đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng của tổ chức, cá nhân đề nghị theo Mẫu số 13 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP;

- Bản lý lịch tóm tắt của người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật của cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện theo Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP kèm theo các văn bằng, chứng chỉ đối với trường hợp thay đổi người đại diện theo pháp luật quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.

- Tài liệu chứng minh bảo đảm cơ sở vật chất tại địa điểm cung cấp dịch vụ mới quy định tại Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP đối với trường hợp thay đổi địa điểm cung cấp dịch vụ quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.

- Bản báo cáo kết quả khắc phục việc đình chỉ cung cấp dịch vụ đối với trường hợp quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 19 Nghị định 116/2021/NĐ-CP.

5.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

5.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

Công an cấp tỉnh.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Giám đốc Công an cấp tỉnh công bố (công bố lại) cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

5.8. Lệ phí: Không.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Văn bản đề nghị công bố (công bố lại) đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng của tổ chức, cá nhân đề nghị (Mẫu số 13 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP);

- Lý lịch tóm tắt của cá nhân, người đứng đầu/người đại diện theo pháp luật của cơ sở cai nghiện ma túy/cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện (Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định 116/2021/NĐ-CP)

- Báo cáo khắc phục việc đình chỉ hoạt động của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng (Mẫu số 17 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP).

- Quyết định của Giám đốc Công an cấp tỉnh công bố (công bố lại) cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng (Mẫu số 14 Phụ lục II Nghị định 116/2021/NĐ-CP).

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

a) Thay đổi người đại diện theo pháp luật của cơ sở cung cấp dịch vụ; thay đổi địa điểm cung cấp dịch vụ;

b) Hết thời hạn đình chỉ cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện theo quyết định của Giám đốc Công an cấp tỉnh.

5.11. Căn cứ pháp lý ban hành

- Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14.

- Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

- Nghị định số 184/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định của Chính phủ trong lĩnh vực an ninh, trật tự.

6. Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

6.1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Nộp hồ sơ

Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP đến Công an cấp tỉnh nơi tổ chức đóng trụ sở. Trường hợp gửi hồ sơ theo phương thức điện tử thì cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập có trách nhiệm lưu giữ toàn bộ bản gốc của hồ sơ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của hồ sơ.

Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ

Công an cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ trong giờ làm việc, nếu hồ sơ chưa hợp lệ phải cấp ngay phiếu hướng dẫn cho người nộp hồ sơ.

Bước 3: Tổ chức thẩm định

Giám đốc Công an cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ, thẩm định các điều kiện công bố.

Bước 4: Quyết định công bố/không công bố

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ, Giám đốc Công an cấp tỉnh tổ chức thẩm định và công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng. Trường hợp không đủ điều kiện công bố phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6.2. Cách thức thực hiện

Gửi trực tiếp, qua bưu điện hoặc qua phương thức điện tử đến Công an cấp tỉnh nơi tổ chức đóng trụ sở hoặc nơi cá nhân cư trú.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

6.3.1. Thành phần hồ sơ

a) Văn bản đề nghị công bố (công bố lại) đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng của tổ chức, cá nhân đề nghị theo Mẫu số 13 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.

b) Các tài liệu sau đây đối với cơ sở cai nghiện ma túy công lập:

- Bản sao quyết định thành lập;

- Tài liệu chứng minh bảo đảm đủ các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị cung cấp dịch vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP;

- 01 bản chính danh sách nhân viên của cơ sở cai nghiện ma túy/cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện theo Mẫu số 03 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP;

- 01 bản sao văn bằng, chứng chỉ,

- Bản lý lịch tóm tắt của người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật của cơ sở cung cấp dịch vụ theo Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP;

- Bản dự kiến quy trình cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

c) Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện đối với cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.

6.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

6.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

Công an cấp tỉnh.

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Giám đốc Công an cấp tỉnh công bố (công bố lại) cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

6.8. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Văn bản đề nghị công bố (công bố lại) đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng của tổ chức, cá nhân đề nghị (Mẫu số 13 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP).

- Danh sách nhân viên của cơ sở cai nghiện ma túy/cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện (Mẫu số 03 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP).

- Lý lịch tóm tắt của cá nhân, người đứng đầu/người đại diện theo pháp luật của cơ sở cai nghiện ma túy/cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện (Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định 116/2021/NĐ-CP).

- Quyết định của Giám đốc Công an cấp tỉnh công bố (công bố lại) cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng (Mẫu số 14 Phụ lục II Nghị định 116/2021/NĐ-CP).

6.9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Đã được cấp Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện đối với Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.

- Đủ điều kiện quy định tại Điều 16 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP đối với cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

6.10. Căn cứ pháp lý ban hành

- Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14.

- Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

- Nghị định số 184/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định của Chính phủ trong lĩnh vực an ninh, trật tự.

CÁC MẪU ĐƠN, TỜ KHAI THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Nghị định số 184/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ)

TT	Nội dung biểu mẫu
I	**GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG CAI NGHIỆN MA TÚY**

Mẫu số 01	Văn bản đề nghị cấp (cấp lại) giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.
Mẫu số 02a	Văn bản đề nghị chấp thuận đặt trụ sở của cơ sở cai nghiện ma túy
Mẫu số 02b	Văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về việc chấp thuận đặt trụ sở cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.
Mẫu số 03	Danh sách nhân viên của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.
Mẫu số 04	Lý lịch tóm tắt của cá nhân hoặc người đứng đầu, người đại diện theo pháp luật của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.
Mẫu số 05	Phương án tài chính của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.
Mẫu số 06	Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy đối với cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.
Mẫu số 07	Biên bản của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện về việc xác nhận giấy phép hoạt động bị mất (hoặc hỏng).
II	**ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ CAI NGHIỆN MA TÚY**
Mẫu số 13	Văn bản đề nghị công bố (công bố lại) đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng của tổ chức, cá nhân đề nghị.
Mẫu số 14	Quyết định của Giám đốc Công an tỉnh/thành phố công bố (công bố lại) cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.
IV	**CAI NGHIỆN MA TÚY TỰ NGUYỆN**
Mẫu số 22	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện (bao gồm kế hoạch, đánh giá kế hoạch cai nghiện dự kiến) của người nghiện hoặc người đại diện hợp pháp.
Mẫu số 24	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về việc cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.
Mẫu số 28	Hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy.

Mẫu 01. Văn bản đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN[1] **TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC[2]** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**

Số: /……[3]……

V/v đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy

……[4]……, ngày ... tháng ... năm ……

Kính gửi: Công an tỉnh/thành phố ……[5]……

1. Tên cơ sở viết bằng tiếng Việt *(ghi bằng chữ in hoa)*: ……...

Tên cơ sở viết bằng tiếng nước ngoài *(nếu có)*: …….

Tên cơ sở viết tắt *(nếu có)*: …….

2. Địa chỉ trụ sở chính: ……..

Điện thoại: ……; E-mail: ……..……..

Trang thông tin điện tử (nếu có): ……..……...

3. Người đại diện theo pháp luật: ……..

Chức danh: ……..

Số CCCD/thẻ căn cước/hộ chiếu…….

Số điện thoại liên lạc: …….....

4. Quyết định thành lập (cho phép thành lập) cơ sở cai nghiện số …….... ngày ... tháng …..... năm ……..... của ……...

hoặc **Mã số doanh nghiệp**: …….. đăng ký lần đầu ngày … tháng …… năm ……, thay đổi lần thứ .... *(nếu có)* ngày ….. tháng ….. năm …… nơi cấp ……...……

Đề nghị Công an tỉnh/thành phố, cấp/cấp lại Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy.

Cơ sở cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật về cai nghiện và quản lý sau cai nghiện ma túy.

Hồ sơ kèm theo gồm:

1) ……...……...

2)……...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu……

---

[1] Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có)
[2] Tên cơ sở cai nghiện ma túy
[3] Chữ viết tắt tên cơ sở cai nghiện ma túy
[4] Địa danh
[5] Tên tỉnh/ thành phố trực thuộc trung ương.

Mẫu 02a. Văn bản đề nghị chấp thuận đặt trụ sở của cơ sở cai nghiện ma túy

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN[1]
TÊN CƠ SỞ CAI NGHIỆN…[2]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /……[3]…… *……[4]……, ngày ... tháng ... năm ……*

V/v đề nghị chấp thuận đặt trụ sở của cơ sở cai nghiện ma túy

Kính gửi: Ủy ban nhân dân ……[5]……

1. Tên cơ sở viết bằng tiếng Việt *(ghi bằng chữ in hoa)*: ……...……...

Tên cơ sở viết bằng tiếng nước ngoài *(nếu có)*: ……..…….

Tên cơ sở viết tắt *(nếu có)*: ……..…….

2. Người đại diện theo pháp luật: ……..

Chức danh: ……...……

Số CCCD/thẻ căn cước/hộ chiếu…….

Số điện thoại liên lạc: …….....

3. Quyết định thành lập (cho phép thành lập) cơ sở cai nghiện số ……... ngày ... tháng ... năm ……..... của ……..……...…….

Hoặc **Mã số doanh nghiệp**: …….. đăng ký lần đầu ngày …… tháng …… năm ……, thay đổi lần thứ .... *(nếu có)* ngày ... tháng ... năm …… nơi cấp ……...……

Đề nghị Ủy ban nhân dân ……..…[5]…… chấp thuận đặt trụ sở cơ sở cai nghiện ma túy[3] …… tại địa chỉ: ……[6]…….……

Cơ sở cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật về cai nghiện và quản lý sau cai nghiện ma túy.

Hồ sơ kèm theo gồm:

1) ……...

2) ……...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu……

---

[1] Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có)
[2] Tên cơ sở cai nghiện ma túy
[3] Chữ viết tắt tên cơ sở cai nghiện ma túy
[4] Địa danh
[5] Tên Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu
[6] Ghi rõ địa chỉ dự kiến đặt trụ sở cơ sở cai nghiện ma túy

Mẫu 02b. Văn bản chấp thuận đặt trụ sở cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện

UBND CẤP XÃ……...[1]……

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /……

……[2]……, ngày ... tháng ... năm ……

V/v chấp thuận đặt trụ sở của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện

Kính gửi: ……[3]……

Sau khi nghiên cứu, xem xét Văn bản số: ……/…… ngày …… tháng …… năm …… của ……[3]……, do ông/bà…….. là Người đại diện theo pháp luật, số CCCD/thẻ căn cước/hộ chiếu…… đề nghị chấp thuận đặt trụ sở cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.

Ủy ban nhân dân …… chấp thuận cho ……[3]…..…… đặt trụ sở cơ sở cai nghiện ma túy tại: ……[4]……

Đề nghị ……[3]…… thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật về cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy và các quy định pháp luật khác có liên quan./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, ...

---

[1] Tên Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu
[2] Địa danh
[3] Tên cơ quan chủ quản hoặc cơ sở cai nghiện ma túy
[4] Ghi rõ địa chỉ (số nhà, tổ/xóm/phường/xã/tỉnh)

Mẫu 03. Danh sách nhân viên của cơ sở cai nghiện ma túy/cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN[1]
TÊN CƠ SỞ CAI NGHIỆN…

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH NHÂN VIÊN CỦA CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY

Kính gửi: Công an tỉnh/thành phố ……[2]……

1. Tên cơ sở viết bằng tiếng Việt *(ghi bằng chữ in hoa)*: ……..……...

Tên cơ sở viết bằng tiếng nước ngoài *(nếu có)*: …….…….

Tên cơ sở viết tắt *(nếu có)*: …….…….

2. Địa chỉ trụ sở chính: ……..

Điện thoại: ……; E-mail: ……...……..

Trang thông tin điện tử *(nếu có)*: ……..……...

3. Người đại diện theo pháp luật: ……..

Chức danh: ……...……

Số CCCD/ thẻ căn cước/hộ chiếu…….

Số điện thoại liên lạc: …….....

Cơ sở cam kết nội dung thông tin về nhân viên trong danh sách kèm theo là chính xác.

TT	**Họ và tên**	**Ngày tháng năm sinh**	**Số CCCD/ thẻ CC/ HC**	**Chức vụ**	**Trình độ chuyên môn**	**Vị trí nghiệp vụ**	**Kinh nghiệm làm việc**	**Thông tin về hợp đồng lao động**			
								Ngày ký	Công việc	Thời gian làm việc	Thời hạn hợp đồng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

---

[1] Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có)
[2] Tên tỉnh/ thành phố trực thuộc trung ương.

Mẫu 04. Lý lịch tóm tắt của cá nhân, người đứng đầu/người đại diện theo pháp luật của cơ sở cai nghiện ma túy/cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện

Ảnh 4x6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……[1]……, ngày ... tháng ... năm ……

LÝ LỊCH TÓM TẮT

của cá nhân, người đứng đầu/người đại diện theo pháp luật của cơ sở cai nghiện ma túy/cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện

I. SƠ LƯỢC VỀ BẢN THÂN

1. Họ và tên: …… Giới tính: ……...……

2. Tên gọi khác: ……...…….

3. Sinh ngày …..... tháng …..... năm .....

4. Nơi thường trú/tạm trú: ……

5. Nơi ở hiện tại: …… ……

6. Số CCCD/thẻ CC/HC: …….. Ngày cấp: …...../……../…….....; Nơi cấp: ……..……

7. Trình độ đào tạo *(ghi rõ trình độ, tên ngành đào tạo cao nhất)*: ……

II. QUÁ TRÌNH HỌC TẬP, LÀM VIỆC

1. Quá trình học tập, công tác

Từ tháng, năm đến tháng, năm	**Đã học và tốt nghiệp những trường nào, ở đâu hoặc làm những công việc gì (kể cả hợp đồng lao động) trong cơ quan, đơn vị, tổ chức nào, ở đâu** *(kê khai những điểm chính, điểm liên quan đến kinh nghiệm về công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện)*

2. Đào tạo, bồi dưỡng về chẩn đoán, xác định nghiện ma túy và điều trị, cai nghiện ma túy

Tên cơ sở/khóa/lớp đào tạo, bồi dưỡng	**Nội dung đào tạo, bồi dưỡng**	**Thời gian đào tạo** *(từ tháng... năm.... đến tháng....năm....)*	**Hình thức đào tạo**	**Văn bằng, chứng chỉ**

Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng sự thật. Nếu có gì sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật./.

XÁC NHẬN [2]	**NGƯỜI KHAI**
(ký, ghi rõ họ, tên, đóng dấu)	*(ký, ghi rõ họ tên)*

[1] Địa danh

[2] Xác nhận của cơ quan chủ quản hoặc UBND cấp xã nơi cư trú

Mẫu 05. Phương án tài chính của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN[1] **TÊN CƠ SỞ CAI NGHIỆN……[2]** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **---------- **

……[3]……, ngày ... tháng ... năm ……

PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH

I. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ

1. Tên cơ sở viết bằng tiếng Việt *(ghi bằng chữ in hoa)*: ……

2. Người đại diện theo pháp luật

- Số CCCD/thẻ căn cước/hộ chiếu…….

- Địa chỉ trụ sở chính: ……

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị *(Khái quát toàn bộ cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở)*: ……...…….

3. Tổ chức bộ máy, nhân sự

- Tổng số nhân viên: ……...……..

- Cơ cấu tổ chức bộ máy: …….

II. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG

1. Mục tiêu/ định hướng phát triển *(dự kiến số lượt dịch vụ/người nghiện được tiếp nhận trong 3 năm, 5 năm)*: ……..……...

2. Các dịch vụ cai nghiện ma túy của cơ sở cai nghiện tự nguyện

- Cung cấp dịch vụ tại cơ sở cai nghiện: ……..…….

- Cung cấp dịch vụ tại gia đình, cộng đồng: ……..……...

- Các dịch vụ khác: ……..…….

3. Giá dịch vụ cai nghiện dự kiến: ……

III. PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH

1. Phương án về doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong 03 năm đầu: …….

2. Phương án tài chính khác: …….

IV. KẾT LUẬN

……

NGƯỜI ĐẠI DIỆN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

---

[1] Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có)
[2] Tên cơ sở cai nghiện ma túy/cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện
[3] Địa danh.

Mẫu 06. Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy đối với cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện

BỘ CÔNG AN **CÔNG AN TỈNH/THÀNH PHỐ[1]…** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**

Số: ……/GP-HĐCNMT …….[2]……., *ngày … tháng … năm ……*

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG CAI NGHIỆN MA TÚY

GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH/THÀNH PHỐ ……

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy và Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Nghị định số 184/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định của Chính phủ trong lĩnh vực an ninh, trật tự;

Theo đề nghị của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy.

CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG CAI NGHIỆN MA TÚY

CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY……[3]……..

Tên cơ sở viết bằng tiếng nước ngoài, tên viết tắt *(nếu có)*: ……...…….

1. Địa chỉ trụ sở chính: …….

Điện thoại: ……; E-mail: ……...……..

Trang thông tin điện tử *(nếu có)*: ……...……...

2. Người đại diện theo pháp luật: ……...……..

Chức danh: ……...……

Số CCCD/thẻ CC/HC: ……...…… Ngày cấp: ……/……/……;

Nơi cấp: ……...……..

3. Loại hình thức cơ sở: ……[4]……

4. Phạm vi hoạt động chuyên môn: ……[5]……

5. Thời gian làm việc hàng ngày: ……[6]……

6. Hiệu lực của giấy phép: ……[7]……

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

---

[1] Tên tỉnh/ thành phố trực thuộc trung ương

[2] Địa danh

[3] Ghi rõ tên cơ sở cai nghiện ma túy

[4] Ghi loại hình tổ chức cơ sở theo giấy phép, đăng ký thành lập (doanh nghiệp, cơ sở khác...)

[5] Phạm vi dịch vụ cai nghiện được phép cung cấp (theo đăng ký)

[6] Ghi rõ thời gian làm việc của cơ sở (8/24 giờ hoặc 24/24 giờ)

[7] Ghi rõ ngày, tháng, năm thời điểm bắt đầu, kết thúc (nếu có)

Mẫu 07. Biên bản xác nhận giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy của cơ sở cai nghiện ma túy bị mất, hỏng

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÊN CƠ SỞ CAI NGHIỆN……[2]	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-------	**----------**

……[3]……, ngày ... tháng ... năm ……

BIÊN BẢN

Xác nhận giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy của cơ sở cai nghiện bị mất (hoặc hỏng)

Hôm nay, hồi..... giờ..... phút, ngày……/...../....., tại……[4]……

Chúng tôi gồm:

1. Họ và tên: ……[5]…… Chức vụ: …..……

Số CCCD/thẻ căn cước/ hộ chiếu…….

Cơ quan: ……..

2. Với sự chứng kiến của[6]:

Họ và tên: …… Nghề nghiệp: ….……

Số CCCD/thẻ CC/HC: ……...……..

Ngày cấp: …../……../.....; Nơi cấp: ……..……...

Tiến hành lập biên bản với nội dung sau:

1. Tên cơ sở: ……; Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy số: ……/GP-HĐCNMT, cấp ngày …… tại: ……...…….

2. Xác nhận Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy của cơ sở cai nghiện ma túy bị: ……[7]…..

3. Lý do: ……..……[8]……

Biên bản lập xong hồi …… giờ …… cùng ngày, đã đọc lại cho những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký xác nhận dưới đây.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ	**NGƯỜI CHỨNG KIẾN**	**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

---

[1] Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có)
[2] Tên cơ sở cai nghiện ma túy/cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện
[3] Địa danh
[4] Ghi rõ địa danh xã, huyện, tỉnh
[5] Họ, tên người lập biên bản.
[6] Ghi rõ họ tên, nghề nghiệp của người chứng kiến.
[7] Ghi rõ bị mất hoặc hư hỏng.
[8] Ghi rõ lý do bị mất hoặc hư hỏng.

Mẫu 13. Văn bản đề nghị công bố (công bố lại) đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng của tổ chức, cá nhân đề nghị

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN[1] **TÊN CƠ SỞ ……[2]** -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Số: /……[3]……

V/v đề nghị công bố (công bố lại) cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy

……[4]……, ngày ... tháng ... năm ……

Kính gửi: Công an tỉnh/thành phố ……[5]……

1. Họ, tên cá nhân/cơ sở cung cấp dịch vụ *(chữ in hoa)*: ……

Địa chỉ cung cấp dịch vụ: ……..……..

Điện thoại: ……; E-mail: ……

Người đại diện theo pháp luật (đối với cơ sở): ……..……..

Chức danh: …….. Số điện thoại liên lạc: ……

Số CCCD/thẻ căn cước/hộ chiếu…….……

2. Đề nghị Công an tỉnh/thành phố ……[5]…… công bố/công bố lại đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy.

a) Phạm vi dịch vụ: ……[6]…….……

b) Loại hình cung cấp dịch vụ: ……[7]……...……

Cơ sở cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật về cai nghiện và quản lý sau cai nghiện ma túy.

3. Hồ sơ kèm theo gồm:

1) ……...

2) ……...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu……

---

[1] Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có);
[2] Tên cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy;
[3] Chữ viết tắt tên cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy;
[4] Địa danh;
[5] Ghi rõ tên Công an tỉnh/thành phố;
[6] Ghi rõ dịch vụ cai nghiện ma túy dự kiến cung cấp;
[7] Ghi rõ dịch vụ nội trú hay ngoại trú.

Mẫu 14. Quyết định công bố (công bố lại) cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng

BỘ CÔNG AN **CÔNG AN TỈNH/TP …[1]…** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: /QĐ-UBND	*……[1]……, ngày … tháng … năm …..*

QUYẾT ĐỊNH

Công bố tổ chức/cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng

GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH/THÀNH PHỐ ……[2]……

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Nghị định số 184/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định của Chính phủ trong lĩnh vực an ninh, trật tự;

Căn cứ Biên hàn thẩm định số:…… ngày ……/……/…… của ……..……

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cơ sở/cá nhân dưới đây đủ điều điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng:

1. Họ, tên cá nhân/cơ sở cung cấp dịch vụ *(chữ in hoa)*: ……

Điện thoại: ……; E-mail: ……

Người đại diện theo pháp luật (đối với cơ sở): ……..……..

Chức danh: …….. Số điện thoại liên lạc: ……

Số CCCD/thẻ căn cước/hộ chiếu…….

2. Phạm vi dịch vụ: ……[3]……

3. Loại hình cung cấp dịch vụ: ……..……[4]…..……

4. Địa chỉ cung cấp dịch vụ: ……..……...

5. Giá dịch vụ (dự kiến): ……..

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng PV01 Công an tỉnh/thành phố; tổ chức/cá nhân có tên tại Điều 1; Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy; cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 3; - Lưu VT.	**GIÁM ĐỐC** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

[1] Địa danh;

[2] Ghi rõ địa danh cấp Công an tỉnh/thành phố;

[3] Ghi rõ dịch vụ cai nghiện ma túy dự kiến cung cấp;

[4] Ghi rõ dịch vụ nội trú hay ngoại trú.

Mẫu số 22. Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……[2]……, ngày ... tháng ... năm ……

ĐĂNG KÝ CAI NGHIỆN MA TÚY TỰ NGUYỆN

Kính gửi: UBND ……[1]……

1. Thông tin người đăng ký:

- Họ và tên *(viết in hoa)*: …….
- Ngày, tháng, năm sinh: ……
- Số CCCD/thẻ CC/Hộ chiếu: …… ngày cấp …… nơi cấp ……...…
……..…….
- Nơi cư trú: ……..
- Số điện thoại: …….
- Quan hệ với người tự nguyện cai nghiện: ……[3]……

2. Thông tin người cai nghiện ma túy tự nguyện:

- Họ và tên *(viết in hoa)*: …….…….
- Ngày, tháng, năm sinh: ……..……
- Số CCCD/thẻ CC/Hộ chiếu: …… ngày cấp …… nơi cấp ……...…
……..…….
- Nơi cư trú: ……..
- Điện thoại liên hệ: …….

3. Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện với các nội dung sau:

3.1. Địa điểm cai nghiện dự kiến *(lựa chọn và đánh dấu X vào hình thức đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện phù hợp)*:

a) Tự nguyện cai nghiện tại gia đình, cộng đồng □

(Dự kiến kế hoạch cai nghiện theo điểm 3.3)

b) Tự nguyện cai nghiện tại cơ sở cai nghiện □

Ghi rõ tên cơ sở cai nghiện: ……

3.2. Thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện dự kiến: ……[4]…… tháng.

3.3. Dự kiến kế hoạch cai nghiện tự nguyện[5]:

TT	Nội dung	Địa điểm thực hiện
1	Xây dựng kế hoạch cai nghiện.	□ Tại gia đình, cộng đồng *(Ghi rõ địa chỉ nhà (tổ, thôn, xóm, bản)*:…… □ Tại cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện: *(ghi rõ tên, địa chỉ)*……..
2	Điều trị cắt cơn, giải độc,	□ Tại gia đình, cộng đồng *(Ghi rõ địa chỉ nhà (tổ, thôn, xóm, bản)*:……

	điều trị các rối loạn tâm thần.	□ Tại cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện: *(ghi rõ tên, địa chỉ)*……...
3	Phục hồi hành vi, nhân cách.	□ Tại gia đình, cộng đồng *(Ghi rõ địa chỉ nhà (tổ, thôn, xóm, bản)*:…… □ Tại cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện: *(ghi rõ tên, địa chỉ)*……...
4	Học nghề, dự kiến kế hoạch hòa nhập	□ Tại gia đình, cộng đồng *(Ghi rõ địa chỉ nhà (tổ, thôn, xóm, bản)*:…… □ Tại cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện: *(ghi rõ tên, địa chỉ)*……...

4. Cam kết của người cai nghiện ma túy:

- Thực hiện đúng quy trình, thời gian cai nghiện theo đăng ký.

- Tuân thủ quy định quản lý của UBND cấp xã, công an cấp xã, hướng dẫn của đơn vị cung cấp dịch vụ cai nghiện trong quá trình thực hiện kế hoạch cai nghiện ma túy của cá nhân (nếu sử dụng dịch vụ cai nghiện).

- Không sử dụng ma túy dưới bất kỳ hình thức nào.

5. Cam kết của đại diện gia đình hoặc người đại diện theo pháp luật:

- Quản lý, hỗ trợ, động viên người cai nghiện ma túy thực hiện kế hoạch cai nghiện theo đăng ký; không để người cai nghiện sử dụng ma túy dưới bất kỳ hình thức nào.

- Tạo điều kiện vật chất, tinh thần để người cai nghiện ma túy phục hồi sức khỏe, tâm lý; thực hiện các biện pháp hỗ trợ, can thiệp, bảo vệ phù hợp theo quy định của pháp luật về bảo vệ trẻ em tham gia học tập (đối với người dưới 18 tuổi), học nghề, tạo việc làm, sinh kế giúp người cai nghiện hòa nhập cộng đồng, xã hội./.

NGƯỜI ĐĂNG KÝ	**ĐẠI DIỆN GIA ĐÌNH**	**XÁC NHẬN CỦA TRƯỞNG CÔNG AN CẤP XÃ**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

---

[1] Tên Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn
[2] Địa danh
[3] Ghi rõ là bố, mẹ, vợ, chồng hoặc con ruột
[4] Thời gian đăng ký tối thiểu là 06 tháng
[5] Trường hợp đăng ký cai nghiện tại cơ sở cai nghiện thì không phải điền điểm 3.3 này